**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BÌNH TÂN**
**TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST**
**Ngày: 26/4/2021**
***V/v:* "Xin ly hôn, nuôi con".**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thành Tựu.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1/Ông Hồ Trung Hậu
2/Ông Lê Hoàn Thanh

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham dự phiên tòa.*

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:10/2021/TLST – HNGĐ ngày 13/01/2021 về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HN ngày 12/03/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST - HN ngày 02/04/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mỹ T, sinh năm 1986 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 3, ấp V, xã B, huyện C, An Giang.
- Bị đơn: Anh Đặng Hoàng P, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 28/12/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ T trình bày:

Vào năm 2013, chị Phạm Thị Mỹ T và anh Đặng Hoàng P chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 14/10/2013.

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian và sinh được 1 con chung tên Đặng Thị Thùy L, sinh ngày 20/01/2014, hiện đang sống với chị T.

Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo ra tài sản chung.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Sau đó vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến hết năm 2018. Đến năm 2019 vợ chồng cố gắng

hàn gắn tình cảm để cho con có gia đình trọn vẹn nhưng không thành. Đến tháng 9/2020 vợ chồng lại tiếp tục ly thân cho tới nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

-Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ T xin ly hôn anh Đặng Hoàng P.

-Về con chung: cháu Đặng Thị Thùy L, sinh ngày 20/01/2014, chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đặng Hoàng P cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Ngày 12/03/2021 chị Phạm Thị Mỹ T nộp đơn yêu cầu không đồng ý tiếp tục hòa giải và yêu cầu mở phiên tòa xét xử.

* Bị đơn anh Đặng Hoàng P vắng mặt.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ T trình bày: Về thời gian kết hôn, nữa trang, con chung là đúng như đơn khởi kiện.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Sau đó vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến hết năm 2018. Đến năm 2019 vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm để cho con có gia đình trọn vẹn nhưng không thành. Đến tháng 9/2020 vợ chồng lại tiếp tục ly thân cho tới nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị Tiên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

-Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ T xin ly hôn anh Đặng Hoàng P.

-Về con chung: cháu Đặng Thị Thùy L, sinh ngày 20/01/2014, chị Tiên yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đặng Hoàng P cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn anh Đặng Hoàng P vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Đặng Hoàng P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Hoàng P.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, chị Phạm Thị Mỹ T và anh Đặng Hoàng P chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới. Không có nữ trang cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 14/10/2013 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến phát sinh mâu thuẩn, ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm gì với anh P. Hiện mỗi người đều có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay chị Tiên xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn anh P. Xét yêu cầu của chị Phạm Thị Mỹ T là có cơ sở xem xét. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Mỹ T. Chị Phạm Thị Mỹ T được ly hôn anh Đặng Hoàng P.

[4]Xét về con chung: Chị Phạm Thị Mỹ T và anh Đặng Hoàng P sống với nhau có sinh được 01 con chung tên Đặng Thị Thùy L, sinh ngày 20/01/2014, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị T đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của cháu L không bị thay đổi, hơn nữa cháu L là con gái, nên để chị T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu L và không trái pháp luật. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Xét yêu cầu của chị T là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T. Chị Phạm Thị Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đặng Thị Thùy L, sinh ngày 20/01/2014, đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Chị Phạm Thị Mỹ T không yêu cầu anh Đặng Hoàng P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Hoàng P được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị Phạm Thị Mỹ T và anh Đặng Hoàng P không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Phạm Thị Mỹ T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011806 ngày 13/01/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Mỹ T.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ T được ly hôn anh Đặng Hoàng P.

2/Về con chung: Chị Phạm Thị Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đặng Thị Thùy L, sinh ngày 20/01/2014, đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Chị Phạm Thị Mỹ T không yêu cầu anh Đặng Hoàng P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Hoàng P được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị Mỹ T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011806 ngày 13/01/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu. Chị T không phải nộp thêm.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đặng Hoàng P

vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
-UBND xã Tân An Thạnh,
Huyện Bình Tân, Vĩnh Long.
- các đương sự;
- Lưu.

**Phạm Thành Tựu**